

**CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN VẬN TẢI ĐỨC DUY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN VẬN TẢI ĐỨC DUY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUC DUY TRANSPORT DEVELOPMENT LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: DUC DUY TRANSPORT CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110867677

**3. Ngày thành lập:** 21/10/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 11B, ngõ 60, Phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0359226992

Fax:

Email: [ng.duy12012000@gmail.com](mailto:ng.duy12012000@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh đại lý lữ hành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7911        |
| 2.  | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế; Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7912        |
| 3.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5621        |
| 4.  | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7990        |
| 5.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4651        |
| 6.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4641        |
| 7.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4931(Chính) |
| 8.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh dịch vụ Logistics: Dịch vụ khác, bao gồm các hoạt động sau: Kiểm tra vận đơn, dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa, kiểm định hàng hóa, dịch vụ lấy mẫu và xác định trọng lượng; dịch vụ nhận và chấp nhận hàng; dịch vụ chuẩn bị chứng từ vận tải; Các dịch vụ hỗ trợ vận tải khác; | 4932        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                              | 4933 |
| 10. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                          | 4610 |
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm | 4649 |
| 12. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7310 |
| 13. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8230 |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan                                                                                                                                                                                               | 5229 |
| 15. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7320 |
| 16. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7710 |
| 17. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7721 |
| 18. | Công thông tin<br>(không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6312 |
| 19. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết: Quán cà phê, giải khát                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5630 |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5222 |
| 21. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5224 |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5225 |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5221 |
| 24. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5610 |
| 25. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn thuế)                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7020 |
| 26. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn thuế)                                                                                                                                                                                              | 6619 |
| 27. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4631 |
| 28. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4632 |
| 29. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4620 |
| 30. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                               | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC DUY

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 12/01/2000 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001200009018

Ngày cấp: 22/11/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 1, ngách 58/17, phố Hoàng Đạo Thành, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 1, ngách 58/17, phố Hoàng Đạo Thành, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC DUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/01/2000 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001200009018

Ngày cấp: 22/11/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 1, ngách 58/17, phố Hoàng Đạo Thành, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 1, ngách 58/17, phố Hoàng Đạo Thành, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội